

HỘI TÀI LIÊN THỜ VIỆN VÀ KINH NGHIỆM TỐ DỒI AN CASLIN

ThS. Hà Lê Hùng

Trung Tâm Thông Tin Tố Liệu Nữ Học Nữ Năng

Những thách thức của thờ viện nữ học Việt Nam trong kỷ nguyên thông tin số và số bùng nổ thông tin trong những năm đầu của thập niên 90 đã trở thành tiền đề thực tiễn cho sự ra đời của xã hội thông tin. Trong những năm gần đây, sự phát triển nhờ vào của công nghệ thông tin đã phòng tiên đã đưa xã hội thông tin tiến thêm một bước phát triển mới xã hội thông tin - tri thức. Sự phát triển này đã hình thành những thách thức mới và đòi hỏi những người quản lý thông tin - thờ viện phải kịp thời đề ra chiến lược hành động thích hợp để khẳng định vai trò quản lý hiệu quả nguồn tài sản vô giá của nhân loại.

Không chỉ riêng trong kỷ nguyên thông tin - tri thức mà ở bất kỳ giai đoạn kinh tế - chính trị nào của xã hội, việc quản lý thờ viện luôn bao gồm những hoạt động:

- Tổ chức các dịch vụ và truy cập thông tin.
- Tổ chức công tác đào tạo và nghiên cứu.
- Phát triển các nguồn tài nguyên và bổ sung tập thông tin.
- Tổ chức nhiều hành và hội tài liên thờ viện.
- Tổ chức nhân sự và huấn luyện.

Thách thức của kỷ nguyên thông tin - tri thức mà người quản lý thờ viện hiện nay phải nắm bắt đầu chính là việc đề ra một các giải pháp tổ chức các hoạt động của thờ viện

theo một quan niệm mới: thông tin là một loại sản phẩm mang tính thù trừ, nạp ồng qui luật cung - cầu của xã hội và có thể chuyển giao quốc tế

Kỷ nguyên thông tin - tri thức đã hình thành một thù trừ thông tin rộng lớn mang tính toàn cầu. Thông tin không chỉ được trao đổi giữa con người, nhóm người với con người, nhóm người trong một nền và công tác, nơi con người trao đổi giữa con người, nhóm người ở các Quốc gia khác nhau trên thế giới. Thậm chí, nếu có sự sống cao cấp nào khác ngoài trái đất thì việc trao đổi thông tin sẽ được hình thành bất chấp không gian, một khi các công nghệ truyền thông có thể hỗ trợ. Vì là một sản phẩm có thể trao đổi được nên thông tin cũng nạp ồng qui luật cung cầu của nền kinh tế thù trừ. Xã hội thông tin - tri thức càng cao, nhu cầu thông tin càng lớn và do vậy đòi hỏi việc cung ồng thông tin phải càng phát triển. Một khi thừa nhận thông tin là một sản phẩm mang tính thù trừ thì người dùng tin là khách hàng và cũng là người bán hàng của thờ viện, cần được nói rõ trên trong một "thông lệ". Tiêu chí thù trừ nên là một tài tính ồng việc về giải pháp, chất lượng và mẫu mã của các sản phẩm tiêu dùng là "re - be - ne" thì nói với thông tin sẽ là "nhân công - chính xác - phong phú - dễ tiếp cận"

Khi bạn về thạc thời người quản lý thờ viển phải nông nầu trong giai nơan hiện nay, Tiến Sĩ Robert D. Stueart mô tả nời lờ sỡ thay nời mô hình trong việc quản lý thông tin hiện nời nờic thể hiện qua bốn nời:

- Sỡ chuyẻn nời tở quyền sỡ hữu các nguỏn thông tin sang quyền sỡ dùng thông tin.
- Sỡ chuyẻn nời tở phỏng thời truyẻn thông nờn phỏng tiến sang nờ phỏng tiến.
- Sỡ chuyẻn nời tở quan niẻm xem thờ viẻn lờ nhỏ kho vờ các thừ thờ kho sang mô mô hình hỏng dỏch vui trong nờ thông tin nờic cung ỏng theo nhu cầu.
- Sỡ chuyẻn nời tở nhản thời ngỏic dung tin nờic cũ xỏ dỏic "quẻn" cũ thừ thờ sang mô hình mỏngỏic dung tin vờ tở cách "khỏch hàng" lờ trẻn hết.

Nhỏ vậy vờ nhản thời mỏi vờ thông tin vờ sỡ thay nời mô hình quản lý thông tin hiện nời, ngỏic quản lý thông tin - thờ viẻn sẽ phải nờn nờic giái pháp tở ỏu cho các nời vừ sau:

- Tở chỏc hoỏt nỏng cũ thờ viẻn / các dỏch vui thông tin nhỏ thể nỏ cho hiẻu quỏ
- ỏp dùng công nghe ỏi cho phỏ hỏp.
- Trang bỏ nhỏng kỹ nỏng gì cho ngỏic làm công tỏc thờ viẻn - thông tin nẻn nỏp ỏng nờic mong mỏi cũ ngỏic dung tin.

1. Tở nỏng hoỏ vỏ hỏp tỏc liẻn thờ viẻn

Trong nhỏng nỏm gỏn nỏy, hoỏt nỏng thờ viẻn nời hỏc Viẻt Nam nỏ cũ nhiều chuyẻn biẻn. Trong nời chuyẻn biẻn cũ bản nhỏ lờ chuyẻn biẻn nhản thời vờ vai trỏ cũ

thờ viẻn trong quỏ trình hình thành chất lỏng nỏo tỏo. Nẻn nỏy nỏ giúp thay nời hỏn bỏ mỏ cũ các thờ viẻn nời hỏc thể hiện qua các yẻu tỏ sỏu:

a. Tỏng ngỏn sách nầu tở cho việc nỏng cấp cũ sỏu vỏ chất

Trong nhiều nỏm liẻn việc nầu tở cũ sỏu vỏ chất trong các trỏng nời hỏc lỏn lỏn lờ sỡ tranh chấp giỏa việc nầu tở trang bỏ các phỏng thí nghiẻm, phỏng hỏc vỏ thờ viẻn. Trong nời thờ viẻn lỏn lờ ỏu tiến cũ. Hẻ quỏ cũ phỏng pháp giỏng dỏy "lỏy ngỏic dỏy lờ trung tỏm" lờ các trỏng hỏc thỏng tỏp trung nỏng cao sỏ lỏng, tỏng sỏ chỏ ngoỏ trong phỏng hỏc hỏn lờ nầu tỏ tỏng diẻn tích, nỏng cao sỏ chỏ ngoỏ nỏic sách (tỏ hỏc, tỏ nghiẻn cũu) trong thờ viẻn. Ngỏy nay, nhỏ cuộc vỏ nỏng thay nời phỏng pháp giỏng dỏy nẻn nỏng cao chất lỏng nỏo tỏo, thờ viẻn nời hỏc nỏ nờic nầu tỏ cũ tỏ nẻn cung cấp nờic khỏng gian tỏ hỏc, tỏ nghiẻn cũu tỏ hỏn. Thờ viẻn nời hỏc, do vậy, nỏ cung cấp các dỏch vui thông tin hiẻu quỏ hỏn trong phỏc vui cho việc dỏy, hỏc vỏ nghiẻn cũu khoa hỏc.

b. Tỏ nỏng hoỏ tỏng phỏn nẻn tỏn phỏn

Tỏ nhỏng nỏm 80 trỏi nỏ mỏy tính nỏ xỏm nỏp vỏ nhiều ngoỏ gỏch công việc cũ các trỏng nời hỏc. Nhỏng mỏ nẻn nỏm 2000 mỏi thời sỡ cũ bỏng nỏ ỏng dùng công nghe thông tin tỏi thờ viẻn. Nhỏng dỏ ỏn cấp quỏc gia vỏ nhỏng dỏ ỏn cấp trỏng nỏ giúp cho nhiều trỏng nời hỏc cũ chỏng trình trang bỏ nỏng bỏ cho thờ viẻn.

Trong những năm công nghệ thông tin phát triển, hoạt động thư viện lại mang tính chính. Công nghệ thông tin đã từng bước xâm nhập các thư viện giúp cho công tác quản lý thư viện trở nên nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn. Tôi nghĩ hoạt động thư viện phát triển tốt việc sử dụng phần mềm miễn phí CDS/ISIS và các phần mềm tự viết hoạt động trên máy tính tiến nên sử dụng các phần mềm sản xuất trong nước hoạt động trên nhiều máy tính trong mạng cục bộ. Trong những năm gần đây, công nghiệp phần mềm quản lý thư viện trong nước đã đạt được những bước tiến bộ lớn trong việc tiếp cận các tiêu chuẩn chung nên làm cơ sở cho việc trao đổi thông tin giữa các thư viện. Giải pháp về tin cậy coi thể chấp nhận được của các phần mềm sản xuất trong nước đã tạo cơ hội cho việc tôi nghĩ hoạt động thư viện phát triển rộng rãi. Tuy nhiên, tôi nghĩ hoạt động thư viện không thể dừng lại ở việc dùng phần mềm quản lý thư viện mà cần có sự công tác biên mục, lưu giữ hồ sơ người dùng tin, tra cứu bằng máy, in ấn thông kê bổ sung. Tôi nghĩ hoạt động thư viện còn bao gồm cả việc giải quyết, kiểm soát người dùng tin cũng như tổ chức việc kiểm kê kho, mượn trả tài liệu bằng máy. Tiến bộ này không thể giúp người làm công tác thư viện tổ chức hoạt động của thư viện hiệu quả hơn, nên còn tạo cơ sở cho việc hợp tác trao đổi thông tin giữa các thư viện trở nên nhanh chóng phục vụ kịp thời yêu cầu của người dùng tin.

c. Hợp tác liên thư viện

Nhận thức những lợi ích mang lại từ việc hợp tác chia sẻ trao đổi các nguồn tài nguyên thông tin, các thư viện đang tìm kiếm nhau để hợp tác. Trên cơ sở thống nhất các tiêu chuẩn chung (tiêu chuẩn tổ chức thư tịch và tiêu chuẩn kỹ thuật của phần mềm quản lý thư viện), các thư viện, đặc biệt các thư viện ở phía Nam, đã xây dựng một số các tiêu chí tiến bộ (chuẩn thư tịch: AACR2, LCSHs, DDC, MARC 21, và các chuẩn kỹ thuật: UNICODE, ISO 2709, Z39.50) cho việc tổ chức hợp tác liên thư viện. Hợp tác liên thư viện chính là việc bổ sung nguồn tài nguyên thông tin bù đắp cho ngân sách của tổ chức của một thư viện bằng nguồn thông tin từ các thư viện bạn để mở rộng năng lực cung cấp thông tin cho nhu cầu ngày càng lớn của người dùng tin. Hợp tác liên thư viện là một bước khai thác hiệu quả hơn các tài nguyên thông tin đang có tại các thư viện. Hợp tác liên thư viện không có nghĩa là thu hồi mà là chia sẻ trong nội bộ bao hàm cả trách nhiệm góp phần, theo thỏa thuận, "tái sản" của mình để nhận lại một phần "tái sản" của các thư viện bạn. Nếu hợp tác liên thư viện đạt được kết quả cần thiết phải xem xét các yếu tố sau:

- Các thư viện tham gia phải cung cấp thống nhất một qui định hoạt động, trong nội thể hiện rõ mục tiêu, quyền lợi, nghĩa vụ, thỏa thuận và phương thức trao đổi tin.
- Các thư viện tham gia phải nắm bắt các kiến thức hai tầng:

Tuân thủ các chuẩn chung về tài liệu cho thư viện;

Coi nguồn tài nguyên thông tin có thể chia sẻ.

- Có một ban nhiều hành am hiểu về tài liệu thư viện và hiểu biết về công nghệ thông tin.
- Xây dựng một ban kế hoạch hành động, trong nội phần tích cực mà mạnh, mà yếu của tổng thư viện tham gia để trên cơ sở nội bộ kế hoạch chi tiết triển khai hoạt động của tổng thư viện tham gia hợp tác.
- Có kế hoạch và hình thức việc tiếp cận các nguồn tài chính nhằm bảo hoạt động lâu dài của hợp tác.
- Đổi mới những biện pháp, xu thế phát triển của hoạt động liên quan đến thư viện để kịp thời có kế hoạch triển khai ứng dụng.
- Cần nhắc nhở vì và khai thác môi trường hợp tác.

2. Kinh nghiệm từ điển CASLIN

CASLIN (Czech and Slovak Library Information Network) là một dự án cấp liên bang của Liên bang Czech and Slovakia được tiến hành vào năm 1992 nhằm kết nối tất cả các thư viện của hai nước Czech - Slovakia thành một hệ thống thống nhất.

a. Bối cảnh dự án

Trước khi CASLIN ra đời, hệ thống thư viện Szecholovakia bao gồm hai mạng lưới:

- Hệ thống Thư viện thống nhất bao gồm tất cả các thư viện

theo qui định của Luật thư viện ban hành năm 1959. Không trên thời kỳ hệ thống này chưa quản lý các thư viện công cộng.

- Hệ thống thông tin khoa học, kỹ thuật và kinh tế của Czecholovakia bao gồm vài nghìn trung tâm thông tin được tổ chức theo cơ chế hàng dọc. Các trung tâm này thời điểm trước đang cung cấp thông tin chuyên ngành về khoa học, kỹ thuật và công nghệ

Cho đến năm 1990, các thành viên của cả hai hệ thống không có hoạt động hợp tác nào được hình thành cũng như không có hệ thống biên mục quốc tế thống nhất nào chung. Chưa có một vài thống nhất như không phải là việc tổ chức phiếu mục lục thống nhất chung cho sách nước ngoài áp dụng tại thư viện quốc gia ở Praha và phiếu mục lục thống nhất chung cho tạp chí nước ngoài áp dụng tại thư viện Bratislava.

Vào những năm cuối thập niên 1980, cả hai nước thống nhất phát triển khung biên mục trao đổi Czech-Slovak để làm công cụ cho việc liên thông giữa các thư viện. Phần mềm quản lý thư viện MAKS (Modular Automated Library System) dùng tại Czech và IKIS dùng tại Slovak nếu được phát triển dựa trên phần mềm CDS/ISIS. Mặc dù khung biên mục thống nhất để trao đổi không hoàn toàn giống với

khung biên mức UNIMARC không việc chuyển đổi nội sang khung UNIMARC trong những năm sau đó thì hầu như không gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, khung biên mức này vẫn được khai thác nhiều thư viện dùng phần mềm CDS/ISIS và các phần mềm quản lý thư viện sản xuất trong nước sử dụng.

Với bối cảnh nhờ thế CASLIN đã ra đời nhằm góp phần thay đổi bộ mặt cũng nhờ sức sống của hệ thống các thư viện Czech và Slovakia.

b. Phạm vi và mục tiêu đối án

Mục tiêu đối án là kết nối tất cả các thư viện của Czech và Slovakia bắt đầu qui mô loại hình lại với nhau nếu có thể chia sẻ một hệ thống mức lúc chung; hợp tác trong công tác bổ sung; phát huy mối liên hệ thư viện, và nếu cho người dùng tin thì bắt đầu nói năng cũng có thể tra cứu trực tuyến theo mức thống nhất. Phòng chăm sóc nếu ra trong đối án yêu cầu mỗi thành viên phải tuân thủ lại " *Noi lóc xaj đong môt nen tang vông chác cho mông lồi thư viện khắp liên bang tap nien kien cho người dùng tin trong cũng nhờ ngoại nước có thể tiếp cận các thông tin nước lâu trôi tại các thư viện và các trung tâm thông tin một các dễ dàng, nhanh chóng và không hạn chế.*

Đối án nước hình thành với sự tham gia đầu tiên gồm bốn thư viện lớn nhất của hai nước:

1. Thư viện Quốc gia Czech tại Praha, Czech

2. Thư viện khoa học Moravie tại Bruno, Czech
3. Thư viện Quốc gia Slovakia tại Martin, Slovak
4. Thư viện nhà học tại Bratislava, Slovak

c. Một số nét chính của quá trình hình thành và triển khai đối án.

- 1990-1991: khai sát thúc đẩy do chuyên gia của tổ chức Andrew W. Mellon Foundation (Hoa Kỳ) thúc đẩy.
- 11/1991 : Ký kết thỏa thuận hợp tác giữa bốn thư viện thành viên đầu tiên của hai nước.
- 03/1992: Hội thảo liên bang về vai trò của thư viện quốc gia, các thư viện nói chung và hội trợ của chính quyền liên bang nói với việc hợp tác liên thư viện.
- 06/1992: Hội thảo nước trình cho tổ chức Andrew W. Mellon Foundation (Hoa Kỳ) xin tài trợ.
- 12/1992: Tổ chức Andrew W. Mellon Foundation chính thức nhận tài trợ cho đối án với giá trị 1,1 triệu USD. Khoản tài chính này dùng trang bị phần cứng và phần mềm của hệ thống công nghệ thông tin cho bốn thư viện thành viên đầu tiên của đối án.
- 04/1993: Đối án nhận nước khoản tài trợ 200.000 USD của tổ chức Pew Charitable

Trusts (Hoa Ky) danh cho công tác nào đó.

- 05/1993: Các hiệp định thúc đẩy việc ký kết, cũng như thời gian thời gian bắt đầu triển khai đối với kế hoạch hoàn thành trong ba năm.
- 1995-1996: nhận được tài trợ của Bộ Thông tin và Văn hoá (Czech-Slovakia) danh cho việc thuê bao nguồn truy cập Internet trực tuyến trong hai năm dùng chung cho các thư viện thành viên (vào thời điểm này CASLIN có 10 thành viên tham gia).

d. Những tiêu chí thống nhất của đối tượng

Xuất phát từ những thỏa thuận ban đầu của các quốc gia ký kết, bốn thư viện thành viên đã đi đến thống nhất áp dụng các tiêu chuẩn thống nhất như sau.

- Biên mục máy in quốc gia: UNIMARC
- Qui tắc biên mục mã tại AACR2
- Tiêu đề và mã: LCSHs
- Khung phân loại: UDC

Và phần mềm quản lý thư viện thống nhất Aleph do Công ty Exlibris (Israel) cung cấp

e. Cơ chế liên lạc và quản lý

Ban điều hành đầu tiên của CASLIN bao gồm bốn giám đốc của bốn thư viện thành viên và đây là bộ phận quyết định các chương trình

hành động. Giúp việc cho Ban điều hành và Nhóm Chuyên gia Tổ chức gồm tám người bao gồm các chuyên gia thuộc hai lĩnh vực kế hoạch và hệ thống của các thư viện thành viên. Nhóm tổ chức có trách nhiệm soạn thảo các tiêu chuẩn và kế hoạch thống nhất để triển khai đối tượng. Về sau, do số lượng thành viên tham gia đối tượng phát triển nên số nhân sự tham gia ban điều hành đối tượng cũng tăng theo. Đồng thời, các Phân nhóm Chuyên gia quốc gia hình thành nên nghiên cứu và đưa ra các phương thức giải quyết những vấn đề chuyên biệt của đối tượng

f. Những thành quả của đối tượng

- Là công việc giúp cho các thư viện Czech và Slovak tiếp cận với phát triển của các thư viện tiên tiến trên thế giới.
- Là mô hình mẫu mực về nguyên tắc tổ chức, mức tiêu chuẩn và việc thống nhất các tiêu chuẩn cho việc hợp tác liên thư viện trong và ngoài nước.
- Hình thành mạng liên thư viện một tra cứu mức lúc trực tuyến cho mỗi nhà tổ chức dùng tin cũng như cho số tham gia của các thư viện khác.
- Trở thành hạt nhân cho việc hình thành và kết nối của các mạng liên thư viện khác trong liên bang nhờ LINCA (Library Information Network of the Czech Academy of Science), MOLIN (Moravian Library Information Network)

và RETROCON là đối ản chuyên nủ toan boi he thng muc luc tai thө vien quoc gia của Công Hoả Czech.

- Phối hủp hieủ quai va nủng boi các nguồn tai trủ của đủi ản.
- CASLIN, vủi boi thanh vien sang lap, nủoc xem laø moi phap nhủn khi ñam phủn, tiep can các nguồn tai trủ, ky ket hủp nủng vủi các nhủ cung cấp.

g. Những hạn chế của đủi ản.

- Do những hạn chế về ngân sách, đủi ản ñủi không triển khai nủoc rộng khắp, chủa loủ cuốn toan boi các thө vien của toan Liên bang tham gia trong thủi gian triển khai đủi ản;
- Chủa ñủa ra nủoc chính sách bổ sung phu hủp cho tủng thө vien thanh vien. Do vậy, vủn con laing phí trong công tac bổ sung trong tình hình ngân sách hạn hẹp;
- Chủa xủy đủng nủoc kế hoạch hoủ trủ các thө vien thanh vien trong viec giai quyết những vủn ñủa tồn nủng ñủa hủi cũ the

tham gia hoả maing nủoc moi cách ñủy ñủi va kủp thủi;

- Viec triển khai đủi ản cho thủy: ñủng đủng công nghe thng tin môi khai nủn gian, ngủoc lai viec thay ñủi thủi quen va tac phong lam viec của con ngủi khủng nủn gian. Ủi các thө vien lủn chủ can vai thủng ñủa thủc hieủ ñủi nay trong khi các thө vien nủc cũ ñủn vai ñủm ñủa thủc hieủ ñủi khủng ñủi phai maø cũ moi the hủ

KẾT LUẬN:

Thө vien Viet Nam ñủng trong ñủi lủc chủn hoả hủi nhủp ñủa cung phát triển. ñủy laø con ñủng duy nhất ñủa vủn ñủng, bat kủp sủi phát triển của the giủi trong lủnh vủic thng tin - thө vien. CASLIN laø moi đủi ản ñủi ñủn hình trong số nhiều đủi ản của he thng thө vien các nủoc xủ hủi chủi nghủa ñủng Âu cũ ñủi cũ nhiều ñủa trủng to chủc các hoả ñủng ky thủat của thө vien gủn vủi hoả ñủng thө vien của Viet Nam. Hy vủng rằng những bài học bổ ích từ viec to chủc lai he thng thө vien của các nủoc cũ sẽ giúp chúng ta hoả ñủi ñủn hủn các kế hoạch phát triển trong tủng lai của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Foo, Schubert. *Academic Libraries in Transition – Challenges Ahead*. - World Library Summit Pre-Conference Seminar: "Forging Ahead: Academic Libraries in Transition". - Singapore, 22-23/4/2002.

Stueart, Robert. *Strategic Planning for Information Services in Vietnam*. - Hoủ thủp: He thng vủ tieủ chủn cho Thө vien Viet Nam. - Hà Noủ, 26 -28/9/2001

Library Automation in Transitional Societies – Lessons from Eastern Europe, Andrew W. Foundation. - Oxford University Press, 2000. Tr. 120-140.